TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 238/2025/DS-PT
Ngày: 05/6/2025
"V/v tranh chấp quyền sử dụng đất, yêu cầu huỷ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tiến Dũng;
Các Thẩm phán: Ông Đinh Phước Hoà;
Bà Phan Thị Vân Hương.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Xuân Lộc, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Dung, Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 140/2025/TLPT-DS ngày 21 tháng 3 năm 2025 về việc *"Tranh chấp quyền sử dụng đất, yêu cầu huỷ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất"*. Do Bản án dân sự sơ thẩm số 11/2025/DS-ST ngày 15 tháng 01 năm 2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 1557/2025/QĐ-PT ngày 22 tháng 5 năm 2025; giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn P, sinh năm 1976 và bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1977; đều có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người đại diện theo uỷ quyền của bà H: Ông Nguyễn Văn P; có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người đại diện theo uỷ quyền của ông P: Ông Nguyễn Đình P1, sinh năm 1970; vắng mặt.

Cùng có địa chỉ: Thôn V, xã C, huyện T, tỉnh Quảng Bình.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1965; địa chỉ: Thôn T, xã C, huyện T, tỉnh Quảng Bình; có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ủy ban nhân dân huyện T.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Nam G, chức vụ: Chủ tịch.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Vũ Thành L, chức vụ: Phó trưởng Phòng Nông nghiệp và Môi trường huyện T, tỉnh Quảng Bình; có đơn xin xét xử

vắng mặt.

- Người làm chứng: Không triệu tập tham gia phiên toà.

- Người kháng cáo: Bị đơn ông Nguyễn Văn Đ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tóm tắt nội dung vụ án, quyết định của Toà án cấp sơ thẩm, nội dung kháng cáo như sau:

- Nguyên đơn ông Nguyễn Văn P và bà Nguyễn Thị H trình bày:

Năm 2008 ông bà được Uỷ ban nhân dân (viết tắt là UBND) huyện T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (viết tắt là GCNQSDĐ) số AO725670 ngày 18/12/2008 đối với thửa đất số 396, tờ bản đồ số 31 TK203/5, diện tích 75.701m^2 tại thôn V, xã C, huyện T, tỉnh Quảng Bình (viết tắt là Thửa 396). Năm 2012, ông bà phát hiện hộ ông Nguyễn Văn Đ phát cây, trồng cây Keo trên đất lấn chiếm đất của ông bà. Ông bà đã nhiều lần trao đổi và yêu cầu trả lại nhưng hộ ông Nguyễn Văn Đ không đồng ý. Năm 2019 Công ty P2 và UBND xã C tổ chức đo phân định ranh giới theo GCNQSDĐ đã cấp cho các hộ sử dụng đất để các hộ thực hiện phát luống trồng cây bản địa phục hồi đất rừng, trong đó có gia đình ông bà. Năm 2022, ông bà có ý kiến đề nghị giải quyết để ông Nguyễn Văn Đ trả lại đất lấn chiếm, UBND xã C đã hòa giải và tiến hành cắm mốc bê tông, phân định vạch sơn để đánh dấu đường ranh giới đất rừng giữa các hộ gia đình theo như GCNQSDĐ đã được cấp. Tuy nhiên, một thời gian sau ông bà cùng tổ tuần tra lên rừng kiểm tra thì phát hiện hộ gia đình ông Nguyễn Văn Đ không chấp hành theo ranh giới đất rừng giữa các hộ gia đình mà trước đó chính quyền địa phương đã cắm mốc mà lấn chiếm 596,4m^2 đất rừng của ông bà. Ông bà đã nhiều lần trao đổi và đưa ra phương án giải quyết nhưng hộ ông Nguyễn Văn Đ không đồng ý mà tự ý phá cọc bê tông, phân định ranh giới không đúng hiện trạng sử dụng đất từ trước, không đúng như trong sơ đồ thửa đất của hai gia đình. Ông bà nhiều lần viết đơn đề nghị hòa giải, ngày 01/3/2023 và ngày 23/5/2023 UBND xã C đã tổ chức hòa giải nhưng gia đình ông Nguyễn Văn Đ không hợp tác, không trả lại diện tích đất lấn chiếm nên việc hoà giải không thành.

Vì vậy, ông bà khởi kiện yêu cầu buộc hộ ông Nguyễn Văn Đ trả lại toàn bộ diện tích đất 596,4m^2 đã lấn chiếm của ông bà và đề nghị xử lý tài sản trên đất đã lấn chiếm theo quy định.

- Bị đơn ông Nguyễn Văn Đ có yêu cầu phản tố trình bày:

Từ những năm 1990, gia đình ông đã khai hoang và sử dụng đất rừng tại Đ, thôn G, xã C, huyện T, tỉnh Quảng Bình và không tranh chấp với ai. Năm 2008 ông được UBND huyện T cấp GCNQSDĐ đối với một phần thửa đất gia đình sử dụng, phần đất còn lại chưa được cấp GCNQSDĐ nhưng gia đình ông vẫn sử dụng ổn định để trồng Keo công khai, liên tục, không tranh chấp với ai vì theo UBND xã Cao Quảng thì do chưa có chính sách cấp GCNQSDĐ đối với phần đất này.

Khoảng tháng 11/2019, một số hộ gia đình trong thôn đi kiểm tra rừng thì phát hiện một số cây K bị chặt phá nên trình báo và ngày 09/01/2020 UBND xã C đã thành lập tổ công tác đi kiểm tra, xác minh, kết ận" luận có sự việc chặt Keo nói trên.

Quá trình giải quyết tại UBND xã C thì ông mới biết được toàn bộ diện tích đất gia đình ông đang sử dụng mà trước đó (năm 2008) UBND xã C thông tin chưa có kế hoạch cấp GCNQSDĐ đã được cấp cho một số hộ dân của thôn V. Như vậy, mặc dù gia đình ông là người trực tiếp sử dụng đất rừng từ năm 1990 đến nay (hơn 20 năm) nhưng UBND huyện T lại cấp GCNQSDĐ cho người khác là trái quy định của pháp luật, cấp sai đối tượng sử dụng đất, không đảm bảo quyền và lợi ích của người trực tiếp sử dụng đất.

Vì vậy, ông có yêu cầu phản tố huỷ GCNQSDĐ đã cấp cho ông Nguyễn Văn P, bà Nguyễn Thị H và công nhận phần đất tranh chấp thuộc quyền sử dụng của gia đình ông.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan UBND huyện T do người đại diện theo uỷ quyền trình bày:

Ngày 13/5/2008, hộ ông Nguyễn Văn P và bà Nguyễn Thị H làm Đơn xin giao đất lâm nghiệp, có UBND xã C xác nhận đồng thời làm Đơn xin cấp GCNQSDĐ đối với thửa đất số 396, ờ" tờ bản đồ số 31, diện tích 75.701m^2, mục đích sử dụng đất rừng sản xuất (RSN); địa chỉ thửa đất: TK203/4 tại thôn V, xã C, huyện T, tỉnh Quảng Bình. Ngày 17/12/2008, UBND huyện T ban hành Quyết định số 2114b/QĐ-UBND về việc giao đất lâm nghiệp cho hộ gia đình và ngày 18/12/2008 cấp GCNQSDĐ số phát hành AO 725670, số vào sổ H01004 cho ông Nguyễn Văn P và bà Nguyễn Thị H tại Thửa 396 nêu trên.

Quy trình cấp GCNQSDĐ được thực hiện đầy đủ đúng quy định theo Thông tư số 346/1998/TT-TCĐC ngày 16/3/1998 của Tổng cục ịa" Địa chính hướng dẫn thủ tục đăng kýất đai, lập hồ sơ địa chính và cấp GCNQSDĐ, đúng Luật HYPERLINK "file:///C:\\Users\\HP\\Downloads\\22" \o "Đất" Đất đai 2003, Nghị định 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004 của Chính phủ và Thông tư số 01/2005/TT-BTNMT ngày 13/4/2005 của Bộ T5 về thi hành Luật ất" Đất đai 2003.

- Những người làm chứng do bị đơn yêu cầu triệu tập gồm bà Phan Thị H1, ông Hoàng Văn T, ông Hoàng Văn T1, bà Nguyễn Thị N, bà Nguyễn Thị T2, ông Nguyễn Văn T3, ông Hoàng N1, ông Hoàng Văn H2, ông Hoàng Văn B, ông Nguyễn Văn S, bà Nguyễn Thị H3, ông Nguyễn Xuân Q, bà Nguyễn Thị V, bà Hoàng Thị C, ông Đinh Hữu S1, ông Nguyễn Đình Q1, ông Nguyễn Văn C1 đều thống nhất trình bày:

Các ông bà sinh sống cùng thôn với bị đơn và cùng canh tác trên diện tích đất gần bị đơn canh tác; diện tích đất hiện nay nguyên đơn tranh chấp với bị đơn là diện tích đất do bị đơn khai hoang sử dụng từ năm 1990 cho đến nay.

- Tại Biên bản xem xét thẩm định và định giá các thửa đất tranh chấp ngày 24/7/2024 của Toà án nhân dân huyện Tuyên Hoá xác định:

+ Thửa 396 đứng tên hộ ông Nguyễn Văn P và bà Nguyễn Thị H, hiện trạng sử dụng do ông Nguyễn Văn P dẫn đạc: Phía Đông giáp đất ông Nguyễn Văn P dài 356,75m; phía Tây giáp thửa đất số 358 dài 380,89m; phía Nam giáp đất ông Nguyễn Văn P chiều dài các cạnh lần lượt là 150,53m, 80,55m; phía Bắc giáp đất ông Nguyễn Văn P chiều dài các cạnh lần lượt là 46,46m, 38,12m, 37,17m, giáp đất ông Hoàng

Văn H2 chiều dài 59,10m, giáp đất ông Nguyễn Văn Đ, Hoàng Văn T4, Nguyễn Thị V và Hoàng N1 chiều dài 82,60m. Tổng diện tích theo hiện trạng sử dụng của ông P là 70.210,6m^2.

+ Thửa đất đứng tên hộ ông Nguyễn Văn Đ và bà Nguyễn Thị S2, thửa đất số 882, tờ bản đồ số 29, theo hiện trạng sử dụng do ông Nguyễn Văn Đ dẫn đạc: Phía Đông giáp thửa đất ông Nguyễn Văn Đ dài 380,18m; phía Tây giáp thửa đất ông Hoàng Văn T4 dài 375,77m; phía Nam giáp thửa đất số 398 dài 7,99m, giáp thửa đất ông Nguyễn Văn P dài 9,09m; phía Bắc giáp thửa đất ông Nguyễn Văn Đ dài 21,86m. Tổng diện tích theo hiện trạng sử dụng của ông Đ là 7187,7m^2.

+ Phần diện tích đất ông Nguyễn Văn Đ sử dụng trên đất của ông Nguyễn Văn P: Phía Đông giáp thửa đất ông Nguyễn Văn P dài 5,84m và giáp thửa đất số 398 dài 40,27m; phía Tây giáp đất ông Nguyễn Văn P dài 43,24m; phía Nam giáp đất ông Nguyễn Văn P dài 9,09m; phía Bắc giáp thửa ông Nguyễn Văn Đ dài 16,92m. Tổng diện tích ông Nguyễn Văn Đ sử dụng trên đất của ông Nguyễn Văn P là 596,4m^2.

- Tại Biên bản thẩm định và quyết định định giá tài sản, ngày 03/7/2024, Hội đồng định giá đã thống nhất giá trị tài sản trên diện tích đất tranh chấp (596,4m^2) bao gồm:

Cây Keo trong định mức và ngoài định mức là 2.200.000 đồng. Giá trị đất tranh chấp là 3.578.400 đồng.

- Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 11/2025/DS-ST ngày 15 tháng 01 năm 2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình, đã quyết định:

Căn cứ Điều 26, khoản 4 Điều 34, các Điều 37, 147, 157, 158, 165, 273 Bộ luật ố" Tố tụng dân sự; các Điều 50, 52, 105, 107 Luật Đất đai năm 2003; các Điều 166, 170, 202, 203 Luật ất" Đất đai 2013; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án, xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ôngễn Văn P và bà Nguyễn Thị H đối với ông Nguyễn Văn Đ.

Buộc ông Nguyễn Văn Đ phải trả lại cho ông Nguyễn Văn P và bà Nguyễn Thị H 596,4m^2 đất tại thửa đất số 396, tờ bản đồ số 31, thôn V, xã C, huyện T, tỉnh Quảng Bình. Diện tích đất ông Nguyễn Văn Đ phải trả lại cho ông Nguyễn Văn P và bà Nguyễn Thị H tại các điểm 13, 14, 15, 16, 17 trên sơ đồ thẩm định, trong đó: điểm 15-16 dài 16,92m; điểm 16-17 dài 5,84m; điểm 17-13 dài 40,27m; điểm 13-14 dài 9,09m; điểm14-15 dài 43,24m (có sơ đồ kèm theo).

2. Không chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Văn Đ về việc huỷ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: AO 725670 ngày 18/12/2008 mà Ủy ban nhân dân huyện T đã cấp cho ông Nguyễn Văn P và bà Nguyễn Thị H.

3. Giao ông Nguyễn Văn P và bà Nguyễn Thị H được sở hữu toàn bộ cây Keo do ông Nguyễn Văn Đ trồng trên 596,4m^2 đất tại thửa đất số 396, tờ bản đồ số 31 thôn V, xã C, huyện T, tỉnh Quảng Bình.

Buộc ông Nguyễn Văn P và bà Nguyễn Thị H phải trả cho ông Nguyễn Văn Đ số tiền 2.200.000 đồng (hai triệu hai trăm nghìn đồng) trị giá cây Keo ông Đ đã trồng trên 596,4m^2 đất tại thửa đất số 396, tờ bản đồ số 31 thôn V, xã C, huyện T, tỉnh Quảng Bình.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về chi phí tố tụng, án phí, quyền kháng cáo và quyền, nghĩa vụ thi hành án dân sự theo quy định của pháp luật.

- Sau khi xét xử sơ thẩm, bị đơn ông Nguyễn Văn Đ có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên toà phúc thẩm:

- Ông Nguyễn Văn Đ có kháng cáo nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng sau khi phân tích nội dung và các tình tiết của vụ án, có quan điểm:

+ Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ, đúng quy định pháp luật. Kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Văn Đ là trong thời hạn và đã nộp tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm nên là hợp lệ, đủ điều kiện để xem xét, giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Văn Đ, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm của Toà án nhân dân tỉnh Quảng Bình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án; căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ đã được thẩm tra công khai và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Đơn kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Văn Đ là trong thời hạn quy định tại Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự và đã nộp tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm nên hợp lệ, đủ điều kiện để xem xét, giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[1.2] Tại phiên tòa phúc thẩm vắng mặt tất cả các đương sự trong vụ án, trong đó có người đã có đơn xin xét xử vắng mặt, những người khác đã được triệu tập hợp lệ lần 02 nhưng vắng mặt không rõ lý do. Căn cứ đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, Hội đồng xét xử xét quyết định tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.3] Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý, giải quyết vụ án theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và yêu cầu phản tố của bị đơn là đúng hợp theo quy định tại khoản 9 Điều 26, Điều 34, Điều 37, Điều 39, Điều 200 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Ngày 18/12/2008, UBND huyện T cấp GCNQSDĐ số AO 725670 đối với Thửa 396, tờ bản đồ số 31, thôn V, xã C, huyện T, tỉnh Quảng Bình cho ông Nguyễn Văn

P, bà Nguyễn Thị H và cấp GCNQSDĐ số AO 832448, thửa đất số 882, tờ bản đồ số 29 tại thôn T, xã C, huyện T, tỉnh Quảng Bình cho ông Nguyễn Văn Đ; cùng với mục đích sử dụng là đất rừng sản xuất. Như vậy, phần diện tích đất rừng sản xuất của gia đình ông Nguyễn Văn P, bà Nguyễn Thị H và gia đình ông Nguyễn Văn Đ được UBND huyện T giao sử dụng là thuộc 02 tờ bản đồ của 02 thôn khác nhau.

Ông Nguyễn Văn Đ trình bày phần diện tích đất đang tranh chấp do gia đình ông khai hoang, sử dụng từ năm 1990 trước khi Nhà nước cấp GCNQSDĐ cho ông Nguyễn Văn P, bà Nguyễn Thị H nhưng không xuất trình được tài liệu, chứng cứ chứng minh. Tại Biên bản xác nhận ranh giới, mốc giới thửa đất ngày 24/12/2007 của ông Nguyễn Văn P có ông Nguyễn Văn Đ ký xác nhận ranh giới hai thửa đất; tại Biên bản xác nhận ranh giới, mốc giới thửa đất của ông Nguyễn Văn Đ ngày 24/8/2007 có bà Nguyễn Thị H ký xác nhận ranh giới hai thửa đất. Như vậy, hai bên đã có xác nhận phần ranh giới, mốc giới đất của nhau và không có sự xung đột, mâu thuẫn gì. Do đó, trình bày của ông Nguyễn Văn Đ là không có cơ sở chấp nhận.

Tại Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 03/7/2024 do Toà án cấp sơ thẩm thực hiện, thể hiện gia đình ông Nguyễn Văn Đ đã lấn chiếm, sử dụng diện tích là 596,4m^2 đất thuộc Thửa 396 của gia đình ông Nguyễn Văn P tại các điểm 13, 14, 15, 16, 17 trên sơ đồ thẩm định. Ông Nguyễn Văn P thừa nhận trên diện tích đất tranh chấp có cây Keo do ông Nguyễn Văn Đ trồng, theo kết quả định giá ngày 03/7/2024 thì toàn bộ cây Keo trồng có trị giá 2.200.000 đồng.

Đối với lời khai của những người làm chứng theo yêu cầu của ông Nguyễn Văn Đ không phải là căn cứ công nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai.

Do đó, bản án sơ thẩm buộc ông Nguyễn Văn Đ phải trả lại 596,4m^2 tại Thửa 396 cho ông Nguyễn Văn P và bà Nguyễn Thị H; giao cho ông Nguyễn Văn P và bà Nguyễn Thị H sở hữu các cây Keo trên đất tranh chấp nhưng phải có nghĩa vụ trả lại cho ông Nguyễn Văn Đ số tiền 2.200.000 đồng giá trị cây Keo là có căn cứ pháp luật.

[2.2] Đối với yêu cầu phản tố của bị đơn:

Như đã phân tích tại mục [2.1], do yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn P và bà Nguyễn Thị H về việc buộc ông Nguyễn Văn Đ trả lại 596,4m^2 đã lấn chiếm tại Thửa 396 là có cơ sở và được chấp nhận nên bản án sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu phản tố của ông Nguyễn Văn Đ về việc huỷ GCNQSDĐ số phát hành AO 725670, ngày 18/12/2008 của UBND huyện T cấp cho ông Nguyễn Văn P và bà Nguyễn Thị H đối với Thửa 396 là có căn cứ pháp luật.

[3] Về chi phí tố tụng và án phí đã được bản án sơ thẩm xác định là đúng theo quy định của pháp luật.

[4] Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Văn Đ, giữ nguyên bản án sơ thẩm như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

[5] Về án phí: Bị đơn ông Nguyễn Văn Đ phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

[6] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; xử:

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Văn Đ. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 11/2025/DS-ST ngày 15 tháng 01 năm 2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình.

2. Về án phí: Bị đơn ông Nguyễn Văn Đ phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm; được trừ vào số tiền đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005266 ngày 14 tháng 02 năm 2025 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Bình.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.***Nơi nhận:***
- *TAND tối cao;*
- *VKSNDCC tại Đà Nẵng;*
- *TAND tỉnh Quảng Bình;*
- *VKSND tỉnh Quảng Bình;*
- *Cục THADS tỉnh Quảng Bình;*
- *Các đương sự (theo địa chỉ);*
- *Lưu HSVA, VPTA.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Tiến Dũng